

Bản án số: 10/2020/DS-PT.

Ngày 02/3/2020.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Quyết.

Ông Nguyễn Xuân Thọ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Anh -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc G.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc G:** Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên.

Ngày 02/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc G xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:179/2019/TLPT- DS về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số:45/2019/DS-ST ngày 23/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp H có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:12/2020/QĐ-PT ngày 10/01/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐ-PT ngày 20/01/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2010/QĐPT ngày 20/02/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964; (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Ninh Giang, xã Hoàng L, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc G.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1963; (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Thanh Lương, xã Hoàng L, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc G.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966 (vợ ông Đ) , (có mặt).

TQ: thôn Ninh Giang, xã Hoàng L, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc G

2. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1970,(vắng mặt).

TQ: thôn Thanh Lương, xã Hoàng L, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc G.

*** Người kháng cáo:** ông Nguyễn Văn V là bị đơn trong vụ án

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông và ông Nguyễn Văn V có mối quan hệ đồng ngũ với nhau, do ông V có nhu cầu vay tiền nên ông đã đồng ý cho ông V vay tiền với hai lần vay cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất: Ngày 15 tháng 7 năm 2017 (dương lịch) ông V đến nhà ông Đ hỏi vay số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) và được ông Đ đồng ý. Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận nợ và cùng thỏa thuận lãi suất là 1%/ tháng không có hạn trả nợ. Khoản vay này ông V đã trả cho ông Đ được 06 tháng tiền lãi được 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Khi vay khoản tiền này ông V không nói cho ông Đ biết vay tiền để làm gì, đến khi ông Đ đòi nợ thì ông V mới cho ông Đ biết vay tiền để cho người khác vay nhưng nay họ không trả cho ông V được nên ông V không thể trả cho ông Đ được.

+ Lần thứ hai: Ngày 08 tháng 12 năm 2017 (dương lịch) ông V lại xuống nhà ông Đ vay số tiền 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu). Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận nợ và có thỏa thuận lãi suất là 1%/ tháng không có hạn trả nợ. Khi vay số tiền này ông V nói bằng miệng với Ông là vay để đáo nợ ngân hàng vài hôm sau sẽ trả nhưng ông V đã không trả ông đồng tiền gốc cũng như đồng tiền lãi nào kể từ khi vay đến nay. Nay ông xác định ông Nguyễn Văn V nợ ông số tiền gốc của hai lần vay là 175.000.000 đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng), do ông có nhu cầu sử dụng đến tiền đã nhiều lần ông đến nhà ông V để đòi tiền nhưng ông V không đồng ý trả còn có nhiều lời lẽ đe dọa, thách thức ông nên ông đề nghị Tòa án buộc ông V phải trả cho ông số tiền là: là 175.000.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) tiền gốc cùng lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày: Ông xác nhận ông và ông Đ có mối quan hệ đồng ngũ như ông Đ đã trình bày là đúng. Ông xác định giữa ông và ông Đ đã có nhiều lần vay tiền với nhau chứ không phải chỉ có hai lần như ông Đ trình bày, cụ thể là:

Ngày 05/4/2017 (dương lịch), ông có đưa anh Nguyễn Văn Thành, sinh năm 1989; TQ: thôn Đồng Diễm, xã Thanh Vân, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc G đến nhà ông Nguyễn Văn Đ để vay 80.000.000đ. Do ông Đ và anh Thành không biết nhau nên ông đã phải viết giấy nhận nợ với ông Đ số tiền 80.000.000đ và anh Thành viết giấy nhận nợ lại với ông số tiền 80 triệu đồng đó tại nhà ông Đ (giấy biên nhận này ông đã nộp cho Tòa án). Sau khi viết giấy với nhau thì anh Thành là người trực tiếp nhận tiền từ ông Đ và ông đã chứng kiến sự việc đó. Khi các bên tiến hành vay mượn thì chỉ có ông, ông Đ và anh Thành không còn ai có mặt chứng kiến nữa. Ông cũng xác nhận sau lần vay đó thì ông Đ còn cho ông vay nhiều lần tiền nữa. Nhưng số tiền vay lần trước sẽ được cộng dồn lại vào giấy vay nợ lần sau để thanh toán dứt điểm gốc và lãi của lần trước. Đến ngày 10/ 5/2017, thì ông có viết giấy vay tiền của ông Đ là 150 triệu đồng, đến ngày 15 tháng 6 năm 2017 ông đã trả cho ông Đ được 50 triệu đồng tiền gốc và số tiền lãi trả ngoài cho ông Đ là: 7.875.000đ. Vì thế, ông và ông Đ đã xác lập một giấy vay tiền mới vào ngày 15/6/2017 với số tiền còn nợ lại là 100.000.000đồng.

Đến ngày 08/12/2017, ông lên nhà ông Đ có mang theo 30.000.000đồng và có trả cho ông Đ tiền lãi hàng tháng của số tiền 100.000.000đồng là 5.000.000đồng và trả gốc cho ông Đ là 25.000.000đồng và ông có viết giấy nợ lại ông Đ số tiền là 75.000.000đ. Do tin tưởng ông Đ nên ông đã không đề nghị ông Đ phải trả lại cho ông giấy vay tiền 100.000.000đồng. Vì ông Đ có nói sau sẽ xé tờ giấy đó đi. Lãi suất mà ông phải trả cho ông Đ là 1.500đ/triệu chứ không phải 1%/ tháng như trong hợp đồng vay tiền mà hai bên đã ký cụ thể:

Đối với khoản vay 100.000.000đ ông đã trả lại cho ông Đ số tiền lãi là 06 tháng 28 ngày, tiền lãi mỗi tháng là 4.500.000đ. Thì tổng số tiền lãi ông đã trả cho ông Đ được 31.500.000đồng có lần ông không nhớ rõ ngày tháng cụ thể khi ông không có tiền trả thì ông và vợ đã phải lấy chiếc kiềng vàng 03 chỉ để mang đến nhà ông Đ để trả tiền lãi hai tháng. Sau khi tính toán thì còn số tiền dư lại hai triệu mấy ông Đ đã trả lại cho ông. Các lần trả nợ và lãi thì ông là người đi trực tiếp và có một lần ông đi trả lãi cùng với vợ của ông. Khi trả lãi hai bên giao dịch với nhau bằng miệng chứ không Vết giấy tờ gì với nhau.

Đối với khoản vay 75.000.000đ ông đã trả cho ông Đ được hết tháng 4 năm 2018 là được 04 tháng. Số tiền lãi hàng tháng ông phải trả cho ông Đ là: 3.750.000đ/ tháng thì ông đã trả được tổng cộng số tiền lãi là 15.000.000đ. Trong số tiền trả lãi này ông là người trực tiếp đi trả cho ông Đ và có một lần anh Thành đã cầm trực tiếp đến trả cho bà T là vợ của ông Đ 05 triệu đồng. Các lần trả tiền lãi đó đều không có giấy tờ ghi chép lại mà chỉ giao dịch với nhau bằng miệng.

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu ông phải trả cho ông Đ 175.000.000đ ông không nhất trí. Ông xác định ông chỉ còn nợ lại ông Đ số tiền gốc là 75.000.000đ. Ông cũng đề nghị Tòa án cần đưa anh Thành vào tham gia vụ án vì ông vay tiền hộ anh Thành nay anh Thành không có mặt tại địa phương nên ông không thể đòi trả cho ông Đ được. Ông cũng đề nghị Tòa án làm rõ mức lãi suất ông Đ cho ông vay là lãi suất cao 4,5%/ tháng. Sự việc này có anh Thành và vợ của ông chứng kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: bà xác nhận việc ông Đ cho ông V vay tiền là đúng, số tiền ông Đ cho ông V vay là tài sản chung của vợ chồng bà. Bà chỉ biết việc ông V có đến nhà bà để vay tiền của ông Đ, còn thỏa thuận của hai bên về lãi suất và thời hạn trả như thế nào bà không rõ. Việc ông V khai anh Thành có đến nhà để trả tiền lãi 5.000.000đ là không đúng. Bà xác định bà không biết anh Thành là ai, bà cũng không biết việc thỏa thuận vay mượn giữa ông Đ và ông V như thế nào nên không có việc bà cầm tiền của anh Thành.

Bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Tôi có biết việc vay tiền của ông Đ và ông V, ông V vay tiền hộ anh Thành và ông V cũng đã vay tiền hộ anh Thành nhiều lần. Tôi cũng không biết cụ thể số tiền vay là bao nhiêu, có lần ông Đ đến nhà tôi nói là đòi số tiền 80 triệu đồng, ông V về tôi có nói lại với ông V và ông V bảo chỉ còn nợ lại 75 triệu đồng. Nay tôi xác định ông V vay tiền hộ anh Thành chứ không mang về để làm kinh tế của gia đình. Đối với việc ông V khai bà và ông V có lên nhà ông Đ để trả tiền lãi cho ông Đ bằng chiếc kiềng vàng 03 chỉ bà trình bày như

sau: vào tháng 6/2017 bà có cưới con gái sau khi cưới con xong thì ông thì ông Đ đòi tiền lãi của ông V, ông V có nói với bà là anh Thành có gửi tiền để trả tiền lãi cho ông Đ nhưng ông V đã tiêu hết để lo đám cưới cho con gái nay ông Đ đòi tiền lãi thì ông V phải bù vào. Vì thế, bà đã đồng ý để cho ông V lấy chiếc kiềng vàng 03 chỉ mang đến nhà ông Đ để trả tiền lãi. Sau khi hai bên tính toán, bù trừ cho nhau thì ông Đ trả lại cho ông V là bao nhiêu bà cũng không biết. Hai bên cũng không có giấy tờ gì viết cho nhau. Bà xác định đây là nợ riêng của ông V với ông Đ không liên quan gì đến bà. Vì cụ thể nợ như thế nào và lãi suất bao nhiêu bà cũng không được biết.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2019/DS-ST ngày 23/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp H đã quyết định:

- Áp dụng Điều 274; Điều 275; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ;
- Buộc ông Nguyễn Văn V phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T như sau:

- + Tiền gốc: 175.000.000đ.

- + Tiền lãi: 37.392.000 đ.

Tổng cộng, ông Nguyễn Văn V phải cho ông Nguyễn Văn Đ là : 212.392.000 đ(Hai trăm mười hai triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 07/10/2019, ông Nguyễn Văn V là bị đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Ông không nhất trí với số tiền vay của ông Đ là 175.000.000đồng và tiền lãi. Ông chỉ đồng ý trả cho ông Đ số tiền là 75.000.000đồng.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Văn V không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

* Ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông xác định ông V nợ ông số tiền gốc của cả hai lần vay là 175.000.000đồng, theo hai giấy vay tiền ông đã khởi kiện tại Tòa. Ông không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông V

* Ông Nguyễn Văn V trình bày: Ông không nhất trí với số tiền vay của ông Đ là 175.000.000đồng tiền gốc vì số tiền trên ông Đ đã dùng thủ đoạn lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của gia đình ông. Vì ông đã trả 30.000.000đồng trừ 5.000.000đồng lãi và 25.000.000đồng tiền gốc nên ông đã viết giấy nợ 75.000.000đồng, còn giấy 100 triệu đồng ông Đ vẫn giữ không trả ông. Nay ông chỉ đồng ý trả cho ông Đ số tiền gốc là 75.000.000đồng và tiền lãi từ tháng 4/2018 cho đến nay. Ông không đồng ý trả cho ông Đ số tiền 100.000.000đồng mà anh Thành đã vay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc G phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn V, sửa án sơ thẩm về cách tuyên lãi suất chậm thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc G. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T, bà Ng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn V thì thấy: Ông V không thừa nhận còn nợ ông Đ số tiền gốc là 175 triệu mà xác định chỉ còn nợ lại ông Đ 75 triệu. Tuy nhiên, ông Đ xác nhận chỉ cho ông V vay tiền hai lần như các giấy vay tiền đã giao nộp cho Tòa án, ngoài ra ông không còn giấy vay tiền nào khác nữa. Ông V trình bày nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ về việc ông chỉ còn nợ ông Đ 75.000.000đồng, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét nội dung kháng cáo này của ông V.

[2.2]. Ông V trình bày ông vay tiền là vay hộ cho anh Nguyễn Văn Thành, số tiền vay ban đầu ông dẫn anh Thành lên nhà ông Đ vay là 80.000.000đồng do ông Đ không biết anh Thành nên ông Đ yêu cầu ông phải viết giấy nhận nợ với ông Đ và anh Thành viết nhận nợ ông số tiền 80.000.000đồng, anh Thành là người trực tiếp cầm tiền. Hội đồng xét xử xét thấy: ông V thừa nhận ông và anh Thành lên nhà ông Đ vay 80.000.000đồng nhưng phía ông Đ không yêu cầu ông V phải trả số tiền 80.000.000đồng như ông V trình bày. Ông V có xuất trình cho Tòa án 01 giấy vay tiền phô tô thể hiện nội dung anh Thành vay của ông V 80.000.000đồng, tuy nhiên không có tài liệu chứng cứ thể hiện anh Thành vay tiền của ông Đ và số tiền trên giấy vay tiền của anh Thành không trùng với số tiền vay mà ông Đ đang khởi kiện. Do vậy, yêu cầu của ông V buộc anh Thành phải trả tiền cho ông Đ là không có căn cứ.

[2.3]. Về yêu cầu kháng cáo của ông V đề nghị làm rõ số tiền lãi mà ông đã trả cho ông Đ hàng tháng là 4,5% tháng chứ không phải là 1%/tháng như nội dung đã ghi trong hợp đồng. Ông V đưa ra hai người làm chứng. Tuy nhiên ông không có chứng cứ về việc các lần ông trả lãi cho ông Đ là trả bao nhiêu và trả như thế nào để ra khoản lãi 4,5%/tháng. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét yêu cầu này của ông V

[2.4]. Đối với kháng cáo về lãi suất của ông V, Hội đồng xét xử xét thấy: Do không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông V về số tiền gốc phải trả nên ông V phải trả cho ông Đ, bà T số tiền gốc 175.000.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã tính lãi đối với khoản vay 100.000.000đồng từ ngày 15/6/2017 đến ngày 23/9/2019 và khoản vay 75.000.000đồng được tính từ ngày 08/12/2017 đến ngày 23/9/2019 với lãi suất 1%/tháng là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong giấy vay tiền. Tại phiên tòa ông V không đưa ra được căn cứ nào về việc ông Đ cho vay nặng lãi nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V.

[3]. Tại cấp phúc thẩm, ông V không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về cách tuyên án, tại phần Quyết định của bản án tuyên ông V phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho ông Đ, bà T. Nhưng tại phần tổng cộng bản án lại ghi ông V phải trả cho ông Đ số tiền 212.392.000đồng mà không tuyên buộc trả cho bà T là tuyên án không rõ ràng, mâu thuẫn gây khó khăn cho việc thi hành án. Tuy nhiên, bà T không kháng cáo nên không cần thiết phải sửa án về nội dung này. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

- Về cách tuyên lãi suất chậm thi hành án: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên mức lãi suất chậm trả là 10%/tháng là chưa đúng với hướng dẫn của nghị quyết về cách tuyên lãi suất chậm trả và ảnh hưởng đến quyền thỏa thuận về mức lãi suất của các đương sự. Do vậy, cần rút kinh nghiệm về nội dung này.

[5]. Án phí dân sự: Do kháng cáo của ông Nguyễn Văn V không được chấp nhận nên phải chịu án phí án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

- Căn cứ Điều 274; Điều 275; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ;

2. Buộc ông Nguyễn Văn V phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T như sau: Tiền gốc: 175.000.000đ; Tiền lãi:

37.392.000 đ. Tổng cộng, buộc ông Nguyễn Văn V phải cho ông Nguyễn Văn Đ là: 212.392.000đ (Hai trăm mười hai triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn đồng).

3. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

4. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn V phải chịu 10.619.600đồng (Mười triệu, sáu trăm mười chín nghìn, sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn V phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0000141 ngày 11/10/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Hiệp H;
- VKSND tỉnh Bắc G;
- Chi cục THADS huyện Hiệp H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thạo Phạm Thị Minh Hiền

Trần Thị Hà

